

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/HS-PT  
Ngày: 29 – 10 – 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Đức, ông Nguyễn Văn Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc Anh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Cầu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 252/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1976, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn 13, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn X (chết) và bà Vũ Thị M, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, có 05 con (con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006); Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 15/7/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*” tại Bản án số 107/2008/HSST ngày 15/7/2008.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 05/4/2019 đến ngày 23/01/2020, được gia đình bảo lãnh (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Họ và tên: **Đàm Minh T**, sinh năm 1989, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn 9, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đàm Văn B, sinh năm 1966 và bà Tạ Thị T, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ Hà Thị N, sinh năm 1991, có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013). Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/9/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 27/2006/HSST ngày 25/9/2006.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2020 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Minh T:* Ông Phạm Công M1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

*2.2. Người bị hại:*

- Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1956. (Có mặt)

Trú tại: Ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

*2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Hà Thị N, sinh năm 1991. (Có mặt)

Trú tại: Thôn 9, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 10/2018 (không xác định được ngày cụ thể) do có nhu cầu mua đất, bà Đỗ Thị L thông qua giới thiệu của chị Nguyễn Thị K (tên gọi khác Q), sinh năm 1978, trú tại thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông nên bà L đến địa bàn huyện S, tỉnh Đắk Lắk gặp Nguyễn Văn V để V đưa đi xem 20 ha đất rẫy của V chung với Đàm Minh T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn D, tất cả cùng trú tại xã Y, huyện S. Trên đường đi bà L thấy 01 mảnh đất đã trồng cây điều (đào lộn hột) rất tốt nên nói V dừng lại xem. Xem xong bà L hỏi V: “Mảnh đất này của ai?”, V tự nhận mảnh đất trồng cây điều này là của mình, bà L hỏi: “Có bán không?”, Viên bảo có. Sau đó, Viên chở bà L về nhà mình. Buổi trưa, V chở bà L đến nhà Đàm Minh T ở thôn 9, xã Y, huyện S để ăn cơm. Đến chiều T dùng xe mô tô của mình chở bà L, Nguyễn Văn C đi xe mô tô một mình, cả 2 người đưa bà L đi xem 20 ha đất rẫy trên. Đi được nửa đường do thấy xa bà L không chịu đi tiếp nên nói T quay xe lại, sau đó C, T cùng bà L về nhà V. Qua trao đổi biết bà L chỉ muốn mua mảnh đất đã trồng cây điều (thực chất mảnh đất này là của anh Đặng Bá Q) mà V đã nói dối bà L là của V và cũng muốn bán. Sau đó, V đã nói với bà L là bán với giá là 110.000.000đồng/01ha, tổng cộng là 550.000.000đồng cho diện tích 05ha đó, bà L đồng ý mua mảnh đất này.

Đến ngày 01/11/2018, bà Lốp cùng con gái tên là Nguyễn Thị H và con rể tên là Nguyễn Vũ C, cùng trú tại ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đến huyện S để thực hiện việc mua bán. Khi đến S, bà Lốp điện thoại cho V thì V điện thoại nói T và C ra Bến xe huyện S đón. Trên đường đi, bà L xuống xe đứng đợi ông Phạm Văn Đ. Trên đường đi, T và C dừng lại tại mảnh đất điều V lừa bán cho L để cho các con bà L xem. Xem xong, T và C chở các con bà L về nhà V, sau đó mọi người đến nhà T. Tại nhà T, V và bà L thỏa thuận việc sang nhượng mảnh đất điều mà V nhận là của mình, bà L đồng ý đặt cọc số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Số tiền còn lại là 190.000.000 đồng hai bên thỏa thuận sau khi làm giấy tờ bìa đỏ xong thì bà L sẽ trả đủ tiền cho V. T có ký vào giấy sang nhượng đất ở phần người làm chứng nhưng ghi không đúng họ của mình mà ký với tên Nguyễn Minh T. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, V, Cảnh, bà L, chị H, anh C và ông Đ chờ nhau ra Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện S trước, còn T mang giấy sang nhượng đất đi photo rồi cầm ra sau. Tại Ngân hàng, bà L rút số tiền 360.000.000 đồng đưa cho V. Sau khi nhận số tiền 360.000.000 đồng của bà L thì T có lấy của V lần lượt hai lần, tổng cộng là 45.000.000 đồng (Bốn mươi

lăm triệu đồng). Thời gian sau bà L thuê người dọn rẫy, đến nơi thì gia đình anh Đặng Bá Q nói đó là đất cây điều gia đình anh trồng. Lúc này bà L mới biết bị V lừa bán đất nên đã làm đơn tố cáo với Cơ quan Công an.

**Về vật chứng:** Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô HONDA, nhãn hiệu Wave S, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 17M6 - 5265, số khung 2089Y544001, số máy C12E-1615495 đây là phương tiện bị cáo Tiến sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Văn V sử dụng làm phương tiện liên lạc với bị cáo T, C và bà Đỗ Thị L : V khai sau khi thực hiện hành vi lừa đảo thì chiếc điện thoại bị mất mà V không biết mất ở đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động mà Đàm Minh T sử dụng làm phương tiện liên lạc với bị cáo V và bà Đỗ Thị L : Tiến khai sau khi thực hiện hành vi lừa đảo thì chiếc điện thoại bị hỏng và mất mà Tiến không biết mất ở đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S không thu giữ được.

**Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn V đã tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả cho người bị hại, số tiền là: 70.000.000 đồng; bị cáo Đàm Minh T đã tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả cho người bị hại, số tiền là: 25.000.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:*

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Đàm Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[1] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V 09 (Chín) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2019 đến ngày 23/01/2020.

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đàm Minh T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07/01/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2020 bị cáo Đàm Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 03/8/2020 bị cáo Nguyễn Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn V, Đàm Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án hình sự sơ thẩm đã nêu. Bị cáo Nguyễn Văn V không cung cấp tài liệu gì thêm về yêu cầu kháng cáo của mình. Sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo Đàm Minh T đã bồi thường thêm cho người bị hại bà Đỗ Thị L số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm bà L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đàm Minh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn V , Đàm Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và căn cứ các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo các của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, vào ngày 01/11/2018, các bị cáo Nguyễn Văn V , Đàm Minh T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối để lừa bán đất trồng điều cho bà Đỗ Thị L mà bị cáo V tự nhận là của mình tại xã Y, huyện S (*thực tế mảnh đất này là của anh Đặng Bá Q*) để chiếm đoạt của bà Đỗ Thị L số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Vì vậy, hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn V đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 09 năm tù, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tài liệu gì thêm về yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với bị cáo Đàm Minh T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 07 năm 06 tháng tù, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại bà Đỗ Thị L số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T . Do đó cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đàm Minh T.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Đàm Minh T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo Nguyễn Văn V thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 31/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Nguyễn Văn V về hình phạt

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đàm Minh T. Sửa Bản án sơ thẩm số: 31/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Đàm Minh T về hình phạt.

[2] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Đàm Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V 09 (Chín) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2019 đến ngày 23/01/2020.

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đàm Minh T 07 (Bảy) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/01/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải tiếp tục bồi thường cho bà Đỗ Thị L số tiền 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng);

Buộc bị cáo Đàm Minh T phải tiếp tục bồi thường cho bà Đỗ Thị L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất do chậm thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn V được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đàm Minh Tiến không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Ea Súp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

- VKSND huyện Ea Súp;
- Công huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS Ea Súp;
- T.H.A hình sự huyện Ea Súp;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử TA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Đinh Thị Tuyết**